

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO



VIMECO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

HÀ NỘI THÁNG 3 NĂM 2016

Hà nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2015

I/ THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: **Công ty cổ phần VIMECO.**

Địa chỉ: Lô E9 - Đường Phạm Hùng - Phường Trung Hòa quận Cầu giấy, Hà nội.

Điện thoại : 04-37848204 Fax: 04-37848202

Website : www.vimeco.com.vn Mail: mail@vimeco.com

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 8) Công ty cổ phần số: 0103001651 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/05/2008 với Vốn điều lệ: **65.000.000.000 đồng** (Sáu năm tỷ đồng).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần (thay đổi lần 9). Mã số doanh nghiệp: 0101338571 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/02/2015 với Vốn điều lệ: **100.000.000.000 đồng** (Một trăm tỷ đồng).

Mã chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: **VMC.**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần VIMECO được thành lập ngày 24/03/1997 theo Quyết định số: 179/BXD-TCLĐ của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

Từ ngày 01/01/2003 Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số: 1485/QĐ-BXD ngày 07/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

Ngày 11/12/2006, lần đầu tiên, Cổ phiếu Công ty cổ phần VIMECO được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội với Mã chứng khoán VMC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0103001651 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/05/2008, Công ty cổ phần cơ giới, lắp máy và Xây dựng đổi tên thành Công ty cổ phần VIMECO.

Tính đến **31/12/2014**, Công ty có Vốn điều lệ **65 tỷ đồng** (tương đương **6.500.000** cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Ngày **12/01/2015**, Công ty phát hành thành công tăng Vốn điều lệ lên thành: **100 tỷ đồng** (tương đương **10.000.000** cổ phần).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn đầu tư xây dựng: lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp, kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm. Tư vấn đấu thầu.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn chuyển giao thiết bị công nghệ mới, thiết bị tự động hóa.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, khách sạn, nhà chung cư.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật của công ty): Quản lý, duy tu và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, chung cư, văn phòng.
- Chuẩn bị mặt bằng: Thi công xây lắp: san nền, xử lý nền đất yếu.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải; đường dây và trạm điện có cấp điện áp tới 220KV; thi công các hệ thống phòng cháy, chữa cháy; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông (đường bộ, sân bay, cảng, cầu các cấp), công trình buru điện, các công trình thủy lợi-thủy điện, đê, kè, đập.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác: cát, đá, sỏi.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất: cát, đá, sỏi, gạch ngói, kính tấm lợp, nhựa đường và các vật liệu khác dùng trong xây dựng.
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Sản xuất xi măng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Sản xuất kết cấu bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm.
- Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất máy móc thiết bị, dây truyền công nghệ.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất vật tư.
- Sản xuất xe có động cơ: Sản xuất phương tiện vận tải.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng, kính tấm lợp, nhựa đường và các vật liệu khác dùng trong xây dựng và trang trí nội, ngoại thất. Kinh doanh kết cấu bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, dây truyền công nghệ.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác: Kinh doanh phương tiện vận tải.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị, dây truyền công nghệ, kết cấu thép phục vụ cho các công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây và trạm.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê: thiết bị, dây truyền công nghệ, kết cấu thép phục vụ cho các công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây và trạm.
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê xe máy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Giao nhận hàng hóa.

- Hoạt động dịch vụ hỗn hợp kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu: Vật liệu xây dựng các loại, vật tư, máy móc, thiết bị, dây truyền công nghệ, phương tiện vận tải.

- Giáo dục nghề nghiệp: Kinh doanh, giáo dục đào tạo các ngành nghề: cơ khí, sửa chữa thiết bị, xây dựng; điện dân dụng-công nghiệp, thiết bị điều hòa thông gió, thang máy; hệ thống điện nhẹ.

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo ngoại ngữ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

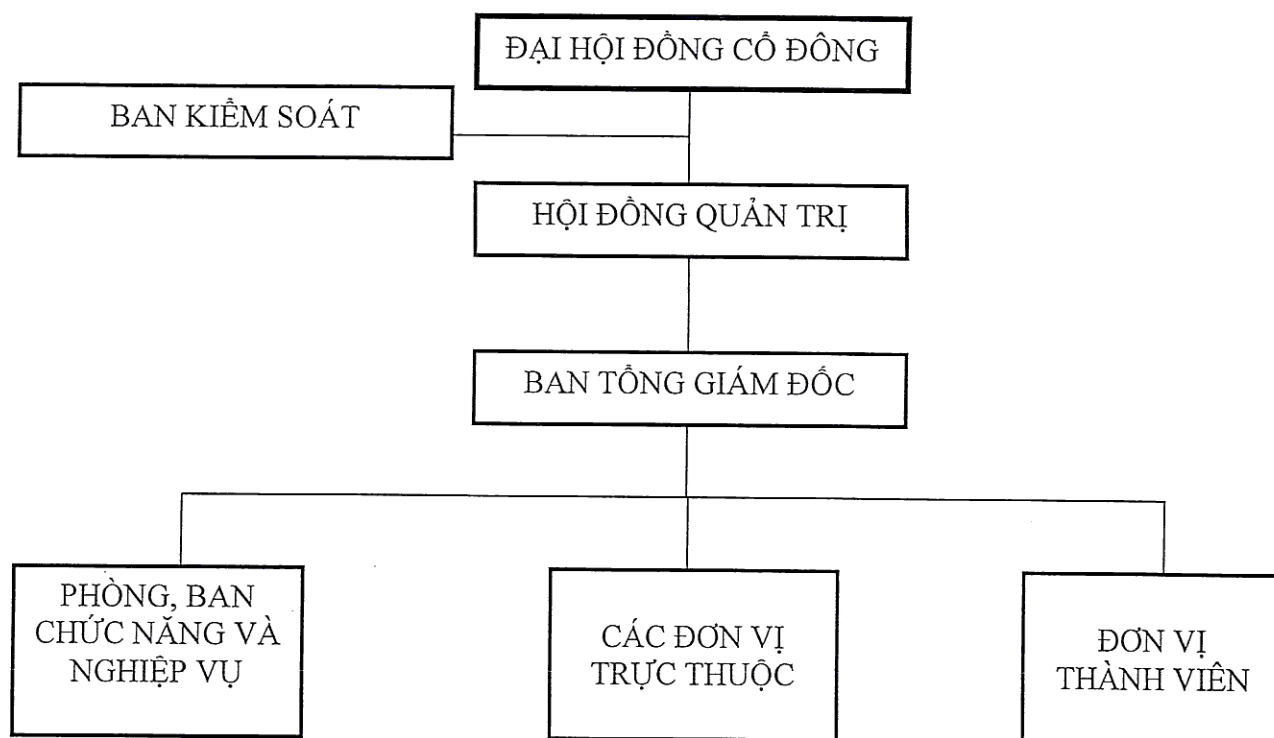
- Giáo dục mầm non (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Địa bàn kinh doanh : Trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị



4.2 Cơ cấu tổ chức

4.2.1 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

4.2.2 Hội đồng quản trị (nhiệm kì 2013-2018).

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Vũ Quý Hà | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Quốc Hòa | Ủy viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Xuân Đông | Ủy viên HĐQT |
| - Ông Trần Việt Thắng | Ủy viên HĐQT |
| - Ông Trần Tuấn Anh | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Đại diện Pháp luật |

4.2.3 Ban kiểm soát (nhiệm kì 2013-2018).

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang Trưởng Ban kiểm soát
 - Bà Nguyễn Thị Huệ Ủy viên Ban kiểm soát
 - Bà Lê Hải Vân Ủy viên Ban kiểm soát
- (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2015)
- Ông Nguyễn Văn Hà Ủy viên Ban kiểm soát
- (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2015)

4.2.4 Ban Tổng Giám Đốc

- Ông Trần Tuấn Anh Tổng Giám Đốc
 - Ông Hồ Công Tâm Phó Tổng giám đốc
 - Ông Vương Xuân Bền Phó Tổng giám đốc
 - Ông Nguyễn Học Trình Phó Tổng giám đốc
 - Ông Nguyễn Sỹ Thiêm Phó Tổng giám đốc
 - Ông Nguyễn Đức Tú Phó Tổng giám đốc
- (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015)

4.2.5 Các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc gồm:

- 06 phòng nghiệp vụ và 02 Ban chức năng gồm:

- + Văn phòng
- + Phòng Phát triển Nhân lực
- + Phòng Kế toán
- + Phòng Quản lý dự án
- + Phòng Đầu tư
- + Phòng Cơ giới vật tư
- + Ban quản lý nhà và chung cư
- + Ban Thư ký tổng hợp

- 05 đơn vị trực thuộc:

- + Trường Mầm Non VIMECO
- + Xưởng Cơ khí sửa chữa Ngọc Hồi
- + Trạm trộn bê tông Tây Mỗ
- + Trạm sản xuất vật liệu xây dựng VIMECO - Hà Nam
- + Mỏ đá Phú Mãn

- 02 Ban điều hành dự án:

- + Ban điều hành thi công Khu đô thị mới Bắc An Khánh.
- + Ban điều hành Dự án CT4.

- 14 Ban chỉ huy Công trường trên phạm vi cả nước.

4.3 Công ty con :

Công ty cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại.

Địa chỉ : Khu công nghiệp Cầu Bươu - Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội.

Tel : (84) 3.6.886.103

Fax : (84) 3.6.883.812

Công ty cổ phần VIMECO cơ khí và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0102640834 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà nội cấp ngày 01/02/2008, thay đổi lần thứ hai tháng 20/5/2013.

Vốn điều lệ : **20.000.000.000 đồng.**

Tỷ lệ góp vốn và quyền biểu quyết của Công ty cổ phần VIMECO tại Công ty cổ phần VIMECO cơ khí và thương mại : **76,85%**.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính :

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chỉ gồm có: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.
- Lắp đặt hệ thống điện. Chỉ gồm có: Thi công, lắp đặt các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 220KV.
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chỉ gồm có: Đào tạo nghề cơ khí, chế tạo máy và các nghề khác phục vụ nhu cầu sản xuất công nghiệp, đào tạo ngoại ngữ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chỉ gồm có: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chỉ gồm có: vận chuyển hành khách bằng ô tô, theo hợp đồng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chỉ gồm có: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình văn hóa, công trình bưu chính viễn thông.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chỉ gồm có: Chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ, xây dựng, khoa học kỹ thuật, lĩnh vực công nghệ cao.
- Sửa chữa thiết bị khác. Chỉ gồm có: Bảo dưỡng, sửa chữa các sản phẩm cơ khí, thiết bị thủy lực, máy móc thiết bị phục vụ các ngành kinh tế quốc dân.
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chỉ gồm có: Sản xuất, mua bán, chế tạo, lắp đặt các sản phẩm kết cấu thép, thiết bị công nghiệp, máy móc thiết bị phục vụ cho xây dựng, giao thông, thủy lợi, thủy điện.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chỉ gồm có: Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế nội, ngoại thất công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế công trình cấp, thoát nước; thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; thiết kế xây dựng công trình đường dây và TBA đến 35 KV (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này theo qui định của pháp luật); Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (không bao gồm đối với các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư và xây dựng công trình (không bao gồm đối

với các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hợp đồng xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (không bao gồm đối với các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng;); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

- Sản xuất máy thông dụng khác. Chỉ gồm có: Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu sản xuất, dây chuyền công nghệ máy móc ngành xây dựng, phương tiện vận tải.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chỉ gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu).

5. Định hướng phát triển của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh chính: thi công hạ tầng kỹ thuật, thi công các công trình giao thông, thủy lợi - thủy điện, gia cố nền móng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (bê tông thương phẩm, đá xây dựng), kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.

Xây dựng Công ty thành Nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp, Đơn vị cung cấp bê tông thương phẩm, đá xây dựng có uy tín trên thị trường.

5.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Con người quyết định sự thành - bại của Doanh nghiệp.

Chất lượng nguồn nhân lực là lợi thế cạnh tranh, sự khác biệt của Doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại, thông qua đào tạo để lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ.

Đầu tư đào tạo đúng hướng là đầu tư đem lại hiệu quả cao nhất cho Doanh nghiệp.

5.2. Thanh lý, đổi mới công nghệ và thiết bị:

Không thể cạnh tranh bằng công nghệ, thiết bị cũ, lạc hậu, thiếu đồng bộ.

Xe máy, thiết bị được mua mới (100%), đổi mới đồng bộ và chỉ tập trung vào một số Hãng chế tạo thiết bị có uy tín.

Căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để điều chỉnh tiến trình thực hiện cho phù hợp.

Chỉ đầu tư khi triển khai dự án có phương án kinh doanh phù hợp khả năng thu hồi vốn, khấu hao được thiết bị.

5.3. Xây dựng Hình ảnh- thương hiệu:

Cùng việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đổi mới thiết bị - công nghệ, Công ty tiếp tục các Chính sách hướng tới xây dựng hình ảnh, phát triển thương hiệu của Tổng công ty VINACONEX và Công ty VIMECO.

Thương hiệu mạnh chỉ có được khi biết phát huy truyền thống Văn hóa lành mạnh.

Người đứng đầu phải là tấm gương tốt, có tầm nhìn dài hạn vì lợi ích của cổ đông, vì tập thể người lao động tạo nền tảng Văn hóa lành mạnh giúp Công ty phát triển ổn định, bền vững.

5.4. Mục tiêu của Công ty:

Trên cơ sở kết quả đạt được 2015, đưa Công ty từng bước phát triển vững chắc, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, cải thiện thu nhập cho người lao động.

Phát huy ngành nghề thi công truyền thống: thi công xây lắp hạ tầng nền móng và sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông, đá xây dựng).

Đẩy mạnh đầu tư máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng lực thi công, đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.

Lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty, đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với chi phí thấp nhất, thu xếp kịp thời nguồn vốn trung hạn đáp ứng các dự án đầu tư.

Quan tâm, chú trọng đến nguồn nhân lực: tuyển dụng, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

* Xây lắp:

- Giá trị sản lượng: **601,88/525,7 tỷ đồng**, đạt 114,49% so kế hoạch năm 2015.
 - Doanh thu: **510,05/485,0 tỷ đồng**, đạt 105,16% so với kế hoạch năm 2015.
 - Hoạt động xây lắp trong năm 2015:
 - Các công trình chuyên tiếp triển khai không đạt kế hoạch: **309,5 tỷ / 403,3 tỷ đạt 76,74%:**
 - + Các công trình có kế hoạch doanh thu lớn như Đà Nẵng Quảng Ngãi (gói 6), Hà Nội Bắc Giang, Lạc Hóa dầu nghi sơn có doanh thu thấp: **128,3 tỷ / 314,0 tỷ KH đạt 40,87%** nguyên nhân: Thay đổi thiết kế công trình làm chậm tiến độ...
 - Các công trình khác và các công trình có yếu tố nước ngoài tạo dựng được uy tín tốt với chủ đầu tư được giao thêm công việc, đóng góp lớn vào doanh thu: **176,47 tỷ / 89,3 tỷ đạt 216,00 %.**
 - Công ty tự tìm kiếm và ký mới được 6 hợp đồng xây lắp với tổng giá trị hợp đồng **322,188 tỷ** gồm các công trình: Star AD1 (Cọc TN + đại trà, đài móng), 3D C&T Samsung Thái Nguyên, Hạ tầng Samsung Thái Nguyên GĐ3...
 - Tổng công ty VINACONEX đóng vai trò quan trọng : doanh thu do Tổng công ty giao thầu đạt **162,30 tỷ** chiếm tỷ lệ **33,39%**.
 - Tiền thu về từ hoạt động xây lắp đạt **606,242 tỷ đồng/545,0 tỷ đồng đạt 111,24%** kế hoạch
- * Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (bê tông và đá xây dựng):
- Năm 2015, hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng đạt:
 - + Giá trị sản lượng: **543,88/428,0 tỷ đồng**, đạt 127,07 % so kế hoạch năm 2015.
 - + Doanh thu: **497,07/385,0 tỷ đồng**, đạt 129,11 % so kế hoạch năm 2015.

- Hoạt động sản xuất VLXD trong năm 2015 trong bối cảnh: Thị trường bê tông, đá xây dựng trên địa bàn Hà Nội đã từng bước hồi phục, nhưng do nhiều đơn vị cùng tham gia cung cấp nên cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp rất khốc liệt. Tuy nhiên kết quả hoạt động SXKD của khối VLXD tính cả cấp nội bộ cho Công ty và khách hàng bên ngoài đạt được như sau: Kết quả thực hiện **460.000 m³**, giá trị sản lượng **567,8** tỷ đồng.

+ Khối lượng bê tông của trạm **Tây Mỗ** là: 240.000 m³, giá trị sản lượng 266,5 tỷ đồng.

+ Khối lượng bê tông của trạm **Thái Bình** là: 74.000 m³, giá trị sản lượng 95,8 tỷ đồng.

+ Khối lượng bê tông của trạm **Vĩnh Tân** là: 86.000 m³, giá trị sản lượng 129,5 tỷ đồng

+ Khối lượng bê tông của trạm **Nghi Sơn** là: 60.000 m³, giá trị sản lượng 76 tỷ đồng

+ **Đối với bê tông thương phẩm:**

- Bám sát Chủ đầu tư, các dự án để tìm hiểu và tiếp thị bán hàng. Dù gặp rất nhiều khó khăn về thị trường, nhiều đơn vị cung cấp bê tông khác phải dừng sản xuất hoặc thua lỗ nhưng lĩnh vực sản xuất bê tông của Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đề ra.
- Từ năm 2015, Công ty xác định chỉ bán hàng cho những đơn vị có khả năng tài chính và các dự án nước ngoài. Công ty đã đi vào sản xuất ổn định cung cấp bê tông cho các Dự án; Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Nhiệt điện Thái Bình 2, Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- Đặt uy tín về chất lượng, tiến độ cung cấp bê tông lên hàng đầu; Xây dựng cấp phối, đơn giá bán phù hợp với thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề.
- Tăng cường công tác đối chiếu, thu hồi công nợ, lập kế hoạch dòng tiền theo tuần, tháng; Quyết liệt bám sát chủ nợ thu hồi vốn nhanh đảm bảo dòng tiền thu về ổn định.

* **Mỏ đá Hà Nam** (Huyện Kim Bảng - Hà Nam):

+ Giải quyết xong tranh chấp giữa người dân với chính quyền để từng bước khôi phục sản xuất từ cuối năm 2015.

* **Mỏ đá Phú Mãn** (Huyện Quốc Oai - Hà Nội):

+ Sản lượng thực hiện năm 2015 đạt: **382.322 m³**, trong đó tiêu thụ nội bộ (cấp đá 1x2 về Trạm bê tông, đá cấp phối cho các công trình): **80.820 m³**.

+ Đáp ứng kịp thời nguồn cung vật liệu cho các Trạm trộn bê tông cũng như đá cấp phối cho các công trình xây lắp trong khu vực Hà Nội.

+ Hoàn thành công tác gia hạn khai thác mỏ đến năm **2019**.

+ Tích cực tìm kiếm thị trường, khách hàng nhằm tăng công suất khai thác, hạ giá thành sản phẩm.

+ Quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất, vật tư tiêu hao, thực hiện khoán lương theo sản phẩm để tăng năng suất lao động.

* **Sản xuất và kinh doanh dịch vụ khác**

Trường mầm non VIMECO:

+ Số học sinh duy trì ổn định: **300** cháu, số lớp: **10** lớp.

+ Doanh thu thực hiện: **9,065** tỷ đồng. Lợi nhuận gộp: **1,02** tỷ đồng.

+ Công tác quản lý, chăm sóc, giảng dạy ổn định, nền nếp. Uy tín ngày càng nâng cao.

Dịch vụ quản lý chung cư, văn phòng:

+ Toàn bộ các diện tích văn phòng cho thuê đã được lấp kín, giá thuê hiện nay đã đi ổn định khách thuê lâu dài.

+ Đảm bảo chất lượng dịch vụ cho các văn phòng và hộ dân ổn định, được Ban quản trị và Tổ dân phố đánh giá cao.

*** Công tác đầu tư, thanh lý thiết bị:**

* Công tác thanh lý năm 2015:

+ Giá trị thanh lý: **5,049** tỷ đồng/**4,650** tỷ đồng kế hoạch (đạt 109 %).

* Công tác đầu tư năm 2015:

+ Giá trị đầu tư: **60,812** tỷ đồng/**79,900** tỷ đồng kế hoạch (đạt 76,11%).

+ Xây dựng kế hoạch, thực hiện đúng, đầy đủ quy trình quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy thiết bị nhằm nâng cao tuổi thọ và khả năng khai thác thiết bị.

+ Tận dụng và khai thác tối đa công suất thiết bị, xe máy hiện có của Công ty. Phối hợp kịp thời giữa các phòng ban, công trường để đảm bảo luân chuyển thiết bị, vật tư sẵn có phục vụ thi công các dự án. Chỉ đầu tư thiết bị khi yêu cầu cấp thiết.

+ Kiện toàn nâng cấp hệ thống kho, bãi tập kết, sắp xếp thiết bị gọn gàng, khoa học.

2. Tổ chức và nhân sự

- Tóm tắt lý lịch trích ngang và cổ phần sở hữu của cán bộ chủ chốt (xem Phụ lục 9,10)

- Số cán bộ công nhân viên:

| NỘI DUNG | NĂM 2013 | NĂM 2014 | NĂM 2015 | TĂNG |
|---------------|----------|----------|----------|------|
| Tổng số CBCNV | 795 | 745 | 783 | 38 |

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Dự án ĐTXD công trình hỗn hợp nhà ở, văn phòng và DV thương mại (CT 4):

Dự án CT4 hoàn thành các bước chuẩn bị đầu tư và được triển khai thi công từ cuối năm 2014 khi thị trường bất động sản đã từng bước hồi phục hứa hẹn tạo ra bước đột phá về dòng tiền và lợi nhuận cho Công ty trong giai đoạn 2015-2018:

*** Thủ tục pháp lý:**

- Hoàn thành các thủ tục pháp lý: giấy phép xây dựng, các thủ tục để bán hàng (Hợp đồng bán, giấy phép bán của sở Xây dựng...)

- Tiến hành tổ chức đấu thầu các gói thầu nhằm lựa chọn các nhà thầu có năng lực đảm bảo thi công Dự án theo đúng kế hoạch đề ra. Phần đấu bản giao căn hộ trong Quý 3/2017.

*** Thi công:**

- Hoàn thành thi công hạng mục phần ngầm (Cọc khoan nhồi, tường vây, tầng hầm) bằng hình thức tự thực hiện, hoàn tất tháng 11/2015.

- Triển khai thi công hạng mục phần thô từ tháng 11/2015. Đầu năm 2016 các gói thầu hoàn thiện đã bắt đầu triển khai.

- Tổng sản lượng thực hiện năm 2015 đạt: **151,34** tỷ đồng.

*** Bán hàng:**

- Năm 2015 Công ty đã triển khai ký hợp đồng đợt 1&2 được 200 căn hộ và 02 hợp đồng diện tích văn phòng. Số tiền đã thu của Dự án: **209** tỷ đồng.

- Quý 1/2016, Công ty dự kiến hoàn tất bán số lượng căn hộ, diện tích văn phòng còn lại.

Dự án Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh:

- Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh đã có Công văn xác nhận giá trị sơ bộ của dự án (do đơn vị thẩm định độc lập xác định): **31,1** tỷ đồng. Tuy nhiên, do địa phương có nhiều dự án phải thu hồi và khó khăn ngân sách nên việc thu hồi giá trị đầu tư của dự án là rất khó khăn.

4. Tình hình tài chính

4.1 Các chỉ tiêu tài chính Chủ yếu (Chi tiết xem Phụ lục 4,5,7,9):

| TT | NỘI DUNG | Đ.VỊ | NĂM 2014 | NĂM 2015 | | TỶ LỆ (%) |
|-----|-------------------------------|------------|----------|-----------|------------------|-------------|
| | | | | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) = (6/5) |
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 947,573 | 1.169,700 | 1.332,880 | 113,95 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 848,346 | 900,000 | 1.041,390 | 115,71 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 23,285 | 28,000 | 31,703 | 113,23 |
| 4 | Khấu hao | Tỷ đồng | 27,282 | 34,000 | 27,086 | 79,66 |
| 5 | Nộp Ngân sách | Tỷ đồng | 24,079 | 40,000 | 27,132 | 67,83 |
| 6 | Thu nhập BQ | Tr.đ/ng.th | 6,0 | 6,5 | 7,5 | 115,38 |
| 7 | Cổ tức | % | 15 | 15 | 15 | 100,00 |
| 8 | Tỉ trọng tiền lương/Doanh thu | % | 13,0 | 13,0 | 12,7 | 97,43 |
| 9 | Vốn Điều lệ | Tỷ đồng | 65,0 | 100,0 | 100,00 | 100,00 |
| 10 | Vốn Chủ sở hữu | Tỷ đồng | 209,521 | | 250,909 | |
| 11 | Giá trị sổ sách CP | Đồng/CP | 32,234 | | 25,091 | |

Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2015

| TT | NỘI DUNG | GIÁ TRỊ (đồng) | GHI CHÚ |
|----|-----------------------------------|------------------------|---------|
| 1 | Vốn Điều lệ | 100.000.000.000 | |
| 2 | Thặng dư Vốn cổ phần | 30.000.000.000 | |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 96.181.523.694 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 24.728.394.530 | |
| | Tổng Cộng | 250.909.918.224 | |

Phân phối lợi nhuận (Công ty mẹ):

Đơn vị tính: Đồng

| TT | NỘI DUNG | NĂM 2015 | GHI CHÚ |
|----|-----------------------------------|-----------------------|----------------------------|
| 1 | Chia cổ tức | 15.000.000.000 | Tỉ lệ cổ tức 15% |
| 2 | Thưởng HĐQT, BKS, BĐH | 680.000.000 | |
| 3 | Thù lao HĐQT, BKS năm 2015 | 372.000.000 | |
| 4 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 6.000.000.000 | Tương đương 01 tháng lương |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.676.394.530 | |
| | Tổng Cộng | 24.728.394.530 | |

4.2 Phân tích chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

4.2.1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn): 0,127

- Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): -0,490

4.2.2. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Hệ số nợ / Tổng tài sản : 0,805
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu: 4,122

4.2.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Vòng quay hàng tồn kho: 2,04
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản: 0,810

4.2.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: 0,023
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 0,202
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 0,039
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần: 0,057

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn cổ phần của Chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

* Thời điểm 12/01/2015:

- Tổng số cổ phần lưu hành: **10.000.000 cổ phần** (Mười triệu cổ phần).
- Tương đương: **100.000.000.000 Đồng** (Một trăm tỷ đồng).

Bao gồm:

- + Cổ phần đều được tự do chuyển nhượng: **6.500.000.000 cổ phần**
- + Cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm **3.500.000 cổ phần**.

5.2 Biến động vốn cổ đông và Cổ đông lớn:

| TT | Tên cổ đông | Cổ phần năm 2013 | Cổ phần 31/12/ 2014 | Cổ phần 31/12/2015 | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------|--------------------------------|------------------|---------------------|--------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=(5/10,0 triệu)*100 |
| A | THỂ NHÂN | | | | |
| 1 | Tổng Công ty cổ phần VINACONEX | 3.340.900 | 3.340.900 | 5.140.900 | 51,40 |
| 2 | Công ty TNHH An Quý Hưng | 1.623.192 | 2.012.892 | 3.096.892 | 30,97 |
| B | CÁ NHÂN | | | | |
| 1 | Nguyễn Xuân Đông | 280.000 | | 30.000 | 0,30 |
| C | TỔNG CỘNG: C = (A + B) | 5.244.092 | 5.353.792 | 8.267.792 | 82.68 |
| D | 1.490 CỔ ĐÔNG CÒN LẠI | 1.255.908 | 1.146.208 | 1.732.208 | 17.32 |

5.3 Thông tin Cổ đông lớn (sở hữu số cổ phần $\geq 5\%$ tổng cổ phần phát hành):

- **Tổng Công ty Cổ phần VINACONEX.**

- Đại chỉ: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 84-4.62849234 Fax: 84-4.62849208

- Website: www.vinaconex.com.vn

- **Công ty TNHH An Quý Hưng.**

- Địa chỉ Công ty: Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội.

- Địa chỉ văn phòng: P2-4, Tầng 31, Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà Hà Đông (SDU), Km10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại: 84-343 545 720 Fax: 84-343 545 721
- Website: <http://anquyhung.com>
- **Cổ đông là Pháp nhân:** (trừ 02 Cổ đông lớn)
- Pháp nhân trong nước sở hữu **1.701** cổ phần tương đương **0,02%** vốn Điều lệ

5.4 *Giao dịch cổ phiếu Quĩ:* **Không.**

5.5 *Giao dịch các Chứng khoán khác:* **Không.**

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá về Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 buổi họp, ban hành 04 Nghị quyết tại các phiên họp trực tiếp và 32 Nghị quyết thông qua bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản để thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty và giám sát hoạt động của Ban Điều hành, bám sát các nhiệm vụ được Đại hội cổ đông giao, cụ thể:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty lần hai theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; Chỉ đạo và đôn đốc Ban Điều hành triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Hoàn thành lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty; Giám sát việc Báo cáo tài chính Công ty định kỳ theo quy định của pháp luật;
- Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2015 của Công ty; Phê duyệt Hạn mức vay vốn lưu động, bảo lãnh tại các ngân hàng; Phê duyệt nguồn vốn vay trung hạn phục vụ các dự án đầu tư.
- Phê duyệt các thủ tục pháp lý của Dự án CT4 và các dự án đầu tư máy móc, thiết bị.
- Phê duyệt Quỹ lương kế hoạch của Công ty năm 2015.
- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện công tác thu hồi công nợ, công tác quản trị doanh nghiệp.
- KIỆN TOÀN NHÂN SỰ BAN GIÁM ĐỐC: Chấp thuận Ông Nguyễn Đức Tú giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách khối VLXD (theo đề xuất của Công ty TNHH An Quý Hưng-cổ đông lớn).
- Chỉ đạo Ban Điều hành báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có thể đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.
 - Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị năm 2015: Phụ lục số 1,2.
 - Các Nghị quyết, Quyết định cuộc họp Hội đồng quản trị: Phụ lục số 3.

2. Đánh giá chung về Ban Giám đốc

Về công tác nhân sự Ban điều hành

Nhân sự Ban Điều hành Công ty đảm bảo cả về chất lượng và số lượng, có sự kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm và sức trẻ, đảm bảo đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty:

* **Công tác điều hành:** Các thành viên trong Ban Điều hành luôn thể hiện trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Điều hành tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời. Ban Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban tuần, họp giao ban tháng với trưởng bộ phận phòng ban, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt trong việc tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm nhân lực. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự...

* **Hoạt động xây lắp,** ngoài việc thực hiện tốt các dự án xây lắp từ năm trước chuyển sang, Ban Tổng giám đốc đã làm tốt công tác tìm kiếm việc làm trong năm 2015, đấu thầu, chào thầu thành công nhiều dự án mới: Samsung Thái Nguyên, Sao Ánh Dương, Vinata Tower, 97 Láng Hạ...

- Giá trị các dự án ký hợp đồng năm 2015 đạt: **473,744** tỷ đồng góp phần hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2015 và tạo nguồn việc cho năm sau. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc đã đổi mới quy trình quản lý thi công, kiểm soát giá thành nhằm tăng tính cạnh tranh cũng như mức lợi nhuận trong mỗi dự án, công trình.

- Ban Điều hành đã quyết liệt trong công tác nghiệm thu, quyết toán, thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các dự án đã kết thúc thi công góp phần đảm bảo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh.

* **Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng** (bê tông, đá): sự cạnh tranh quyết liệt giữa các đơn vị cung cấp bê tông, đá xây dựng trên địa bàn Hà Nội dẫn đến nhiều rủi ro về lợi nhuận, thanh toán... Ban Tổng giám đốc đã xác định không chạy theo sản lượng, lựa chọn khách hàng có khả năng thanh toán, duy trì các khách hàng truyền thống, chỉ đạo bộ phận kinh doanh tích cực tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án..., đặc biệt là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Trong năm 2015, lĩnh vực sản xuất bê tông có 03 dự án lớn (Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vĩnh Tân) đi vào sản xuất ổn định đem lại doanh thu, lợi nhuận ổn định cho Công ty.

- Bên cạnh đó, Ban Điều hành đã tăng cường quản lý chất lượng vật tư đầu vào (xi măng, cát, đá, phụ gia), lựa chọn cấp phối tối ưu, chủng loại vật tư phù hợp, kiểm soát hao hụt bê tông nhằm hạ giá thành tăng lợi nhuận.

- Trong hoạt động sản xuất đá xây dựng, ngoài việc đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời đá cho Trạm bê tông Tây Mỗ. Công ty đã tiếp cận các khách hàng là các dự án hạ tầng, giao thông khu vực Hà Nội...

- Tích cực làm việc với cơ quan chức năng tỉnh Hòa Bình để thực hiện khai thác đá xây dựng tại Phú Minh (huyện Kỳ Sơn - Hòa Bình) diện tích 20 ha, trữ lượng khoảng: **12** triệu m³ đá.

* **Hoạt động kinh doanh bất động sản,** Ban Điều hành đã nỗ lực hoàn thành các thủ tục đầu tư để triển khai Dự án CT4:

- Xác định xong nghĩa vụ Thuế sử dụng đất; Giấy phép xây dựng; Giấy phép bán hàng...

- Tổ chức thi công và quản lý dự án theo đúng tiến độ.

- Tiến hành bán hàng với mục tiêu lợi nhuận doanh nghiệp và thanh khoản tránh sự biến động của thị trường.

* Ngoài ra, Ban điều hành đã tiếp tục phối hợp tốt với tổ chức Đảng, đoàn thể của Công ty trong việc tổ chức các đợt phát động thi đua sản xuất kinh doanh, các hoạt động phong trào, cùng cố sự đồng thuận trong hoạt động của Công ty. Ban điều hành đã có các chính sách khen thưởng, phúc lợi thích hợp để kịp thời động viên, khuyến khích, các cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh....

* Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của luật pháp hiện hành của Nhà nước và phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

3. Công tác tài chính kế toán:

- Chủ động đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh với chi phí thấp; Kiểm soát trả nợ, đáo nợ kịp thời các khoản vay theo xu hướng giảm lãi suất của ngân hàng, mức lãi suất bình quân các khoản vay của Công ty khoảng 5,5%-6,8%/năm.

- Tình hình tài chính Công ty ổn định và từng bước lành mạnh. Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu được duy trì ở mức độ an toàn, Phải thu ngắn hạn (giảm 63,33 tỷ đồng), Chi phí tài chính giảm so với năm 2014.

- Chủ động kết hợp với các phòng ban, trạm, công trường trong công tác thu hồi nợ, giảm dần các khoản phải thu công nợ bê tông, công nợ xây lắp tại các dự án.

- Công tác lập báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị và các báo cáo định kỳ được hoàn thành đúng thời hạn, chất lượng và thực hiện công bố thông tin đúng quy định.

4. Góp vốn đầu tư:

4.1 Góp vốn vào các Công ty cổ phần:

Đơn vị: Tỷ đồng

| TT | CÔNG TY | Số vốn cam kết góp | Số vốn đã góp đến 31/12/2015 | Ghi chú |
|----------|---|--------------------|------------------------------|---------------------|
| A | Đã góp đủ vốn | | | |
| 1 | Công ty cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại | 15,369 | 15,369 | Góp đủ vốn |
| 2 | Công ty cổ phần VIPACO | 5,312 | 5,312 | Góp đủ vốn |
| 3 | Công ty cổ phần phát triển Nhân lực và Thương mại VINACONEX | 1,300 | 1,300 | Góp đủ vốn |
| B | Dừng góp vốn | | | |
| 4 | Công ty cổ phần điện Bắc Miền Trung | 3,010 | 0,690 | Đã góp 23 % |
| 5 | Công ty cổ phần đá trắng Yên Bình | 3,000 | 0,060 | Đã góp 2 % |
| 6 | Công ty cổ phần NEDI2 | 11,400 | 8,387 | Đã góp 73,6 % |
| | Tổng cộng | 39,391 | 31,118 | Tổng góp 80% |

- Công ty chủ trương giảm vốn góp, dừng góp vốn vào các Công ty. Thu hồi vốn khi có điều kiện.

4.2 Công ty cổ phần VIMECO cơ khí và thương mại (VIMECO M&T):

- Những khó khăn chung của nền kinh tế đã gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của ngành xây dựng trong đó có Công ty cổ phần cơ khí và thương mại VIMECO M&T. Song nhờ có sự quan tâm, ủng hộ của Công ty CP VIMECO, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, và quyết tâm vượt qua khó khăn của tập thể CBCNV, Công ty đã từng bước ổn định sản xuất và đạt được kết quả cụ thể như sau:

| TT | NỘI DUNG | ĐƠN VỊ | 2013 | 2014 | 2015 | Ghi chú |
|----|---------------|------------------|--------|--------|--------|---------|
| 1 | Σ GTSL | Tỷ đồng | 85,592 | 70,091 | 60,313 | |
| 2 | Σ DT | Tỷ đồng | 92,324 | 60,108 | 54,653 | |
| 3 | Σ LN TT | Tỷ đồng | 2,052 | 2,438 | 2,455 | |
| 4 | Khấu hao | Tỷ đồng | 3,281 | 2,851 | 2,857 | |
| 5 | Nộp NS | Tỷ đồng | 3,018 | 3,601 | 2,684 | |
| 6 | Thu nhập BQ | Tr.Đồng/ng/tháng | 6,000 | 6,000 | 6,300 | |
| 7 | Cổ tức | % | 5 | 7 | 0 | |

4.3 Trường mầm non VIMECO:

Nhà trường đã đi vào nề nếp, có uy tín trong khu vực, được phụ huynh và các hộ dân tin tưởng, Phòng Giáo dục Quận Cầu Giấy đánh giá cao.

| Năm | 2013 | 2014 | 2015 | Ghi chú |
|------------------|---------------|---------------|---------------|---------|
| CBCNV Nhà trường | 44 | 46 | 47 | |
| Số học sinh | 305 | 310 | 300 | |
| Doanh thu (Đồng) | 8.204.548.023 | 8.138.603.000 | 9.065.281.900 | |
| Lợi nhuận (Đồng) | 1.658.074.521 | 1.522.333.438 | 1.021.409.859 | |

5. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

| | KHÓA HỌC | Đơn vị | 2013 | 2014 | 2015 | Tổng Cộng |
|---|--|------------|-------|------|-------|-----------|
| 1 | Thực tập công tác bê tông tại YAMACON (Nhật) | Người | 05 | 05 | 05 | 15 |
| 2 | Huấn luyện ATLĐ | Người | 04 | - | - | 04 |
| 3 | Nâng ngạch chuyên viên chính | Người | 02 | 0 | 02 | 04 |
| 4 | Khóa học Quản lý đầu tư xây dựng. | Người | - | - | 09 | 09 |
| 5 | Nâng cao năng lực Lãnh đạo VIMECO 2012-2014 | Người | 44 | 44 | - | 44 |
| 6 | Đào tạo về kỹ năng lãnh đạo, quản lý | Người | 05 | - | 02 | 07 |
| 7 | Đào tạo khác | Người | 03 | - | 03 | 06 |
| | Tổng kinh phí đào tạo | Triệu đồng | 0,435 | 350 | 0,286 | 350,721 |

Năm 2016: dự kiến tiếp tục đưa 10 thực tập sinh sang Nhật bản (Hợp tác với YAMACON).

6. Nâng cao năng lực cạnh tranh về thiết bị:

| TT | NỘI DUNG | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | Ghi chú |
|----|----------|---------------|----------------|----------------|---------------|---------|
| 1 | Thanh lý | 9.030.140.000 | 1.261.110.000 | 5.049.600.000 | 4.930.000.000 | |
| 2 | Đầu tư | 8.471.590.909 | 38.724.800.000 | 79.900.000.000 | 118.411.000 | |

- Tổng giá trị thanh lý thu hồi vốn đầu tư năm 2015: 5.049.600.000 Đồng.
- Tổng giá trị đầu tư năm 2015: 60.812.975.455 Đồng.

7. Chỉ tiêu chủ yếu 3 năm gần nhất:

| TT | NỘI DUNG | ĐƠN VỊ | 2013 | 2014 | 2015 | Ghi chú |
|----|----------|---------|---------|---------|-----------|---------|
| 1 | Σ GTSL | Tỷ đồng | 788,873 | 947,573 | 1.332,880 | |
| 2 | Σ DT | Tỷ đồng | 731,453 | 848,348 | 1.041,389 | |
| 3 | Σ LN TT | Tỷ đồng | 12,790 | 23,105 | 31,703 | |
| 4 | Khấu hao | Tỷ đồng | 31,553 | 27,282 | 27,806 | |

| | | | | | | |
|---|---------------|------------------|--------|--------|--------|--|
| 5 | Nộp NS | Tỷ đồng | 41,362 | 24,097 | 27,132 | |
| 6 | Thu nhập BQ | Tr.Đồng/ng/tháng | 5,50 | 6,5 | 7,5 | |
| 7 | Cổ tức | % | 12 | 15 | 15 | |

Trong giai đoạn này, Công ty cần lấy ổn định làm trọng tâm: **tăng cường thu hồi công nợ, tiếp tục thanh lý những tài sản kém hiệu quả, tăng cường công tác quản lý, tiết giảm chi tiêu. Trong giai đoạn công việc khó khăn, cần đẩy mạnh công tác đào tạo chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao khi nền kinh tế phục hồi.**

Khi có cơ hội, nhanh chóng đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh.

8. Hạn chế cần khắc phục:

- Công việc không chỉ phụ thuộc sự năng nổ của Ban lãnh đạo Công ty, nó phụ thuộc phần lớn vào thái độ ứng xử của từng nhân viên.

- Cần chú trọng công tác tổ chức công trường, bố trí nhân sự phù hợp cho từng Dự án, nêu cao tính kỉ luật, trách nhiệm.

Công ty cần hướng tới chọn công việc, dự án.

- Ban lãnh đạo Công ty cần tập trung xây dựng Chính sách lương - thưởng phù hợp, khuyến khích được người có tinh thần trách nhiệm, có năng lực, hiệu quả công việc cao đồng thời tăng cường kỉ luật với trường hợp thiếu phấn đấu, vô trách nhiệm trong công việc.

- Ban lãnh đạo có nhiều cố gắng, tuy nhiên thực hiện tiến độ các Dự án bất động sản còn chậm, bị động, chất lượng chưa cao.

- Việc thực hiện các Nghị quyết chậm, chất lượng không cao.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Giám sát hoạt động Hội đồng quản trị :

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị thể hiện:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty trong năm.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của Pháp luật.

- Cân nhắc kỹ lưỡng phương án đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như: Đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị, kinh doanh bất động sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế nội bộ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật đồng thời đã kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông đã thông qua, đảm bảo tốt quyền lợi của các cổ đông.

2. Giám sát hoạt động Ban Tổng Giám đốc:

- Năm 2015, Ban giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng của Hội đồng quản trị, đạt vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu chính (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Trong lĩnh vực xây lắp: nhờ có các công trình năm 2014 chuyển tiếp sang và sự cố gắng của Ban điều hành Công ty đã ký mới được nhiều hợp đồng trong năm 2015 nên kết quả năm 2015 Công ty vượt kế hoạch chỉ tiêu về giá trị sản lượng và doanh thu. Công ty chú trọng đến công tác kiểm tra, giám sát chất lượng tại các công trình, đảm bảo tiến độ cam kết đã đề ra nên

được các chủ đầu tư đánh giá cao. Thương hiệu, uy tín của Công ty ngày càng được khẳng định.

- Trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng: mặc dù thị trường cạnh tranh khốc liệt, giá chào thầu cung cấp vật liệu xây dựng của các nhà cung cấp khác luôn hạ, song với sự nỗ lực của Ban điều hành cả trong công tác bán hàng và tiết kiệm chi phí trong sản xuất đã đưa giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận trong lĩnh vực sản xuất xây dựng đạt vượt chỉ tiêu đề ra.

- Trong lĩnh vực bất động sản: Trong năm 2015, Công ty đã đẩy nhanh việc triển khai dự án CT4, cụ thể: dự án đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định, đến 31/12/2015 Công ty đã thực hiện đầu tư 244 tỷ đồng, đã triển khai ký hợp đồng mua bán 200 căn hộ và 02 hợp đồng diện tích văn phòng, số tiền đã thu 209 tỷ đồng.

Đối với dự án Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh, Công ty đã được Sở Tài chính Quảng Ninh chấp thuận giá trị sơ bộ của dự án là 31,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty do địa phương có nhiều dự án phải thu hồi và khó khăn về ngân sách nên việc thu hồi giá trị đầu tư của dự án rất khó khăn.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Công ty đã khai thác có hiệu quả diện tích khu văn phòng để làm trường mầm non và văn phòng cho thuê, đem lại dòng tiền và đóng góp một phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

V. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

1. Công tác tài chính kế toán, lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Theo ý kiến của Kiểm toán viên, Báo cáo kiểm toán năm 2015 của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả sản xuất kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ trong năm 2015 và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015.

Kiểm toán chỉ nêu vấn đề khác để lưu ý người đọc là: tại BCTC năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, có ý ngoại trừ sau: số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm chi phí cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh D, Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long với số tiền là 24.549.196.556 VNĐ. Dự án đã bị thu hồi theo Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc “Thu hồi đất của Công ty cổ phần cơ giới lắp máy và xây dựng (nay là Công ty cổ phần Vimeco) đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh D, Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Hạ Long quản lý”. Tại ngày lập báo cáo, chưa có các quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị có thể thu hồi của Dự án Cao Xanh – Hà Khánh. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|-----|-------------------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và CCDV | 1.041.389.748.743 |
| 2 | Giá vốn hàng bán và DVCC | 971.781.953.048 |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 69.607.795.695 |
| 4 | Doanh thu hoạt động tài chính | 11.047.382.212 |
| 5 | Chi phí hoạt động tài chính | 20.294.669.502 |

| | | |
|---|------------------------------|----------------|
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26.217.681.643 |
| 7 | Lợi nhuận hoạt động khác | -2.439.727.807 |
| 8 | Lợi nhuận trước thuế | 31.703.098.955 |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế | 23.602.697.723 |

3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015.

| TÀI SẢN | Số tiền (đồng) |
|----------------------------------|--------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 1.073.052.083.271 |
| I. Tiền | 98.096.033.218 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 74.469.558.015 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 416.365.478.493 |
| IV. Hàng tồn kho | 477.446.406.640 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 6.674.607.905 |
| B. Tài sản dài hạn | 212.007.498.452 |
| I. Tài sản cố định | 89.575.875.744 |
| II. Các khoản đầu tư dài hạn | 97.419.000.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 15.037.325.654 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 1.285.059.581.723 |
| NGUỒN VỐN | Số tiền (đồng) |
| A. Nợ Phải Trả | 1.034.149.663.499 |
| I. Nợ ngắn hạn | 774.122.056.806 |
| II. Nợ dài hạn | 260.027.606.693 |
| B. Vốn chủ sở hữu | 250.909.918.224 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 100.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 1.285.059.581.723 |

VI. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Công ty:

- Tập trung giải quyết những vướng mắc, tồn tại của các dự án đầu tư đã triển khai, cụ thể:
 - Tiếp tục làm việc với các Sở ban ngành tỉnh Quảng Ninh để thu hồi phần chi phí đã đầu tư cho Dự án khu đô thị mới Cao Xanh Hà Khánh.
 - Thực hiện làm sổ đỏ cho phần văn phòng của Tòa nhà trụ sở làm việc kết hợp nhà ở CBCNV, thu hồi vốn từ khách hàng.
 - Dự án CT4: đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo theo đúng điều khoản hợp đồng đã ký với khách hàng mua sản phẩm dự án. Tiêu thụ hết sản phẩm của dự án.
- Đối với hoạt động xây lắp:
 - Thực hiện thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã hoàn thành thi công, đặc biệt là các công trình đã hoàn thành từ lâu.
 - Phòng Kế toán cần theo dõi chi tiết việc hoàn ứng chứng từ của từng công trình cả về mặt khối lượng và giá trị, đảm bảo tính hợp lý của chứng từ thanh toán.
- Đối với hoạt động sản xuất đá:
 - Khi xác định giá bán sản phẩm cho khách hàng cần dựa trên phương án sản xuất kinh doanh đảm bảo doanh thu bù đắp chi phí và có lợi nhuận định mức, phương án này có sự tham gia của các phòng, Ban chức năng của Công ty.

- Ngoài định mức về chi phí tiền lương, nhiên liệu, Công ty cần thống kê chi phí các năm để định mức khoán chi phí theo m³ đá đối với chi phí chung, chi phí sửa chữa.

- Phát huy thành tích đạt được năm 2015, phấn đấu tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu các năm sau tối thiểu bằng năm 2015.

4. Đối với hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm:

- Công ty cần trú trọng tăng cường quản lý tốt nguyên vật liệu đầu vào về giá mua, số lượng và chất lượng; Chào giá cạnh tranh công khai các loại vật tư, vật liệu để tìm được những nhà cung cấp, nhà thầu tốt, có thương hiệu để hưởng giá tốt nhất nhằm hạ giá thành sản phẩm; Nâng cao hơn nữa công tác khoán định mức trên 1m³ bê tông; Ưu tiên bán hàng vào những dự án, khách hàng có nguồn vốn rõ ràng, đặc biệt các dự án có yếu tố nước ngoài để ổn định dòng tiền.

5. Tập trung thu hồi công nợ khách hàng để có dòng tiền về cho Công ty, giảm chi phí tài chính, tăng hiệu quả kinh doanh

6. Chỉ đạo Công ty con tiết giảm chi phí quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động, phấn đấu tỷ lệ cổ tức hàng năm Công ty con chi trả khoảng 12%.

7. Nội dung khác: Làm việc với cơ quan thuế để được miễn, giảm số phải nộp tiền phạt chậm nộp thuế.

VII. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Thù lao năm 2015:

| TT | NỘI DUNG | SỐ TIỀN (Đồng) | GHI CHÚ |
|----|----------------------------|----------------|---------|
| 1 | Thù lao HĐQT 2015 | 240.000.000 | |
| 2 | Thù lao Ban kiểm soát 2015 | 132.000.000 | |
| 3 | Tổng chi: 3 = (1+2) | 372.000.000 | |

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS thuộc Quỹ lương của Công ty cổ phần VIMECO: hưởng theo Quỹ lương, không hưởng Thù lao.

2. Phương án trả Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016:

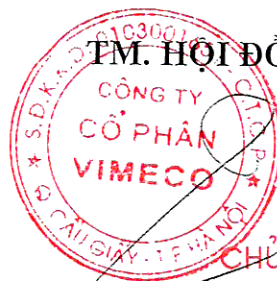
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS thuộc Quỹ lương của Công ty cổ phần VIMECO: hưởng theo Quỹ lương, không hưởng Thù lao.

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS ngoài Danh sách Quỹ lương của Công ty cổ phần VIMECO: được hưởng Thù lao như sau:

| TT | NỘI DUNG | SỐ TIỀN (đồng/người/tháng) | GHI CHÚ |
|----|--------------------------|-------------------------------|---------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 10.000.000 | |
| 2 | Thành viên HĐQT | 5.000.000 | |
| 3 | Trưởng Ban kiểm soát | 5.000.000 | |
| 4 | Thành viên Ban kiểm soát | 3.000.000 | |

Nơi nhận:

- UBCK NN (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để báo cáo);
- Thành viên HĐQT, Ban KS.
- Lưu: TK, HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Duy Hà

PHỤ LỤC SỐ 1

THỐNG KÊ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

| NĂM | STT | NGÀY | SỐ NGHỊ QUYẾT |
|------|-----|------------|----------------------|
| 2015 | 1 | 19/01/2015 | Số 01/2015/NQ-HĐQT |
| | 2 | 27/01/2015 | Số 01.1/2015/NQ-HĐQT |
| | 3 | 19/3/2015 | NQ-HĐQT |
| | 4 | 25/03/2015 | Số 02/2015/NQ-HĐQT |
| | 5 | 17/4/2015 | Số 03/2015/NQ-HĐQT |
| | 6 | 17/4/2015 | Số 04/2015/NQ-HĐQT |
| | 7 | 05/05/2015 | Số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ |
| | 8 | 22/5/2015 | Số 05/2015/NQ-HĐQT |
| | 9 | 01/6/2015 | NQ-HĐQT |
| | 10 | 11/6/2015 | NQ-HĐQT |
| | 11 | 26/6/2015 | Số 06/2015/NQ-HĐQT |
| | 12 | 26/6/2015 | Số 07/2015/NQ-HĐQT |
| | 13 | 30/6/2015 | NQ-HĐQT |
| | 14 | 30/6/2015 | NQ-HĐQT |
| | 15 | 30/6/2015 | NQ-HĐQT |
| | 16 | 30/6/2015 | NQ-HĐQT |
| | 17 | 30/6/2015 | NQ-HĐQT |
| | 18 | 15/7/2015 | NQ-HĐQT |
| | 19 | 17/7/2015 | Số 07.1/2015/NQ-HĐQT |
| | 20 | 28/7/2015 | Số 07.2/2015/NQ-HĐQT |
| | 21 | 04/8/2015 | NQ-HĐQT |

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016 - CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

| | | |
|----|------------|----------------------|
| 22 | 04/8/2015 | Số 08/2015/NQ-HĐQT |
| 23 | 04/8/2015 | Số 09/2015/NQ-HĐQT |
| 24 | 31/8/2015 | NQ-HĐQT |
| 25 | 21/9/2015 | Số 09.1/2015/NQ-HĐQT |
| 26 | 09/10/2015 | Số 10/2015/NQ-HĐQT |
| 27 | 13/10/2015 | Số 11/2015/NQ-HĐQT |
| 28 | 26/10/2015 | NQ-HĐQT |
| 29 | 30/10/2015 | NQ-HĐQT |
| 30 | 02/11/2015 | Số 12/2015/NQ-HĐQT |
| 31 | 25/11/2015 | Số 13/2015/NQ-HĐQT |
| 32 | 25/11/2015 | Số 14/2015/NQ-HĐQT |
| 33 | 04/12/2015 | Số 15/2015/NQ-HĐQT |
| 34 | 08/12/2015 | Số 16/2015/NQ-HĐQT |
| 35 | 17/12/2015 | Số 17/2015/NQ-HĐQT |
| 36 | 30/12/2015 | Số 18/2015/NQ-HĐQT |

PHỤ LỤC SỐ 2

SỐ BUỔI DỰ HỌP CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

| STT | THÀNH VIÊN HĐQT | CHỨC VỤ | SỐ BUỔI THAM DỰ | TỔNG SỐ BUỔI HỌP | TỶ LỆ % | LÝ DO KHÔNG THAM DỰ |
|-----|------------------|----------|-----------------|------------------|---------|---------------------|
| 1 | Vũ Quý Hà | Chủ tịch | 4 | 4 | 100% | |
| 2 | Trần Việt Thắng | Ủy viên | 4 | 4 | 100% | |
| 3 | Trần Tuấn Anh | Ủy viên | 4 | 4 | 100% | |
| 4 | Nguyễn Quốc Hòa | Ủy viên | 4 | 4 | 100% | |
| 5 | Nguyễn Xuân Đông | Ủy viên | 4 | 4 | 100% | |

PHỤ LỤC SỐ 3

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016 - CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

| TT | SỐ QUYẾT ĐỊNH | NGÀY KÍ | NỘI DUNG |
|----|----------------------|------------|--|
| 1 | Số 01/2015/NQ-HĐQT | 19/01/2015 | - Hội đồng Quản trị đã xem xét bàn bạc và nhất trí phê duyệt phương án chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu được đề xuất đối với gói thầu số 03 của Dự án. |
| 2 | Số 01.1/2015/NQ-HĐQT | 27/01/2015 | - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VIMECO quyết nghị: + Tình hình thực hiện SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015. + Phương án huy động nguồn vốn phục vụ SXKD. + Phê duyệt thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015. + Công tác thực hiện dự án CT4. + Cơ chế giám sát của Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, BKS. |
| 3 | NQ-HĐQT | 19/3/2015 | - Phê duyệt đầu tư xe ô tô tải Van hiệu SUZUKI Blind Van. |
| 4 | Số 02/2015/NQ-HĐQT | 25/03/2015 | - Hội đồng Quản trị đã xem xét bàn bạc và nhất trí phê duyệt giá trị dự toán thiết kế được thẩm tra, giá trị dự toán thi công phần ngầm của Dự án trên do Công ty cổ phần VIMECO tự thực hiện với giá trị là: + Giá trị dự toán thiết kế được thẩm tra: 156.970.912.522 đồng. + Giá trị dự toán thi công: 139.786.326.042 đồng. |
| 5 | Số 03/2015/NQ-HĐQT | 17/4/2015 | Thông qua việc lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành riêng lẻ thành công của Công ty ngày 30/12/2014: + Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VIMECO. + Số lượng cổ phiếu: 3.500.000 cổ phiếu. + Tổng mệnh giá cổ phiếu: 35.000.000.000 đồng. + Loại cổ phần: Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCKNN (30/12/2014-30/12/2015). |

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016 - CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

| | | | |
|----|---------------------|------------|--|
| 6 | Số 04/2015/NQ-HĐQT | 17/4/2015 | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tổ chức ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ 2 năm 2015. - Thoái vốn góp tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền bắc 2-NEDI2 |
| 7 | Số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ | 05/05/2015 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015. + Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý hoạt động SXKD năm 2014 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015. + Báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban giám đốc năm 2014. + Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty cổ phần VIMECO đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt nam. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014. - Thông qua Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2015. - Phê duyệt mức thù lao năm 2014 của HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách. - Phê duyệt phương án trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015. - Phê duyệt mức thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty năm 2015. - Phê duyệt danh sách Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015. - Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2013-2018). |
| 8 | Số 05/2015/NQ-HĐQT | 22/5/2015 | Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2014 của Công ty cổ phần VIMECO. |
| 9 | NQ-HĐQT | 01/6/2015 | Phê duyệt chủ trương lập dự án đầu tư bổ sung xe ô tô tốc nước. |
| 10 | NQ-HĐQT | 11/6/2015 | Thông nhất vay vốn và ủy quyền tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM chi nhánh Hoàn Kiếm (HDBank). |
| 11 | Số 06/2015/NQ-HĐQT | 26/6/2015 | Hội đồng quản trị đã xem xét bàn bạc và nhất trí phê duyệt Hồ sơ thiết kế kỹ thuật phần thân và chỉ dẫn kỹ thuật thi công của Dự án "Đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp nhà ở, văn phòng và dịch vụ thương mại tại lô đất H1- phường Trung Hòa – Quận Cầu Giấy – TP Hà Nội. |

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016 - CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

| | | | |
|----|----------------------|-----------|---|
| 12 | Số 07/2015/NQ-HĐQT | 26/6/2015 | Hội đồng quản trị đã xem xét bàn bạc và nhất trí phê duyệt giá trị dự toán xây dựng Công trình giai đoạn Thiết kế kỹ thuật và giá trị tiền sử dụng đất công trình của Dự án trên với giá trị là: Dự toán công trình đã được thẩm tra: 1.187.904.070.000 đồng Chi phí sử dụng đất: 101.325.250.000 đồng Tổng dự toán sau thẩm tra: 1.289.229.320.000 đồng |
| 13 | NQ-HĐQT | 30/6/2015 | Xem xét việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng tín dụng cũng như thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây |
| 14 | NQ-HĐQT | 30/6/2015 | Xem xét việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng tín dụng cũng như thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan với Ngân hàng TMCP Công thương- Chi nhánh Thăng Long |
| 15 | NQ-HĐQT | 30/6/2015 | Xem xét việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng tín dụng cũng như thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan với Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hoàng Quốc Việt |
| 16 | NQ-HĐQT | 30/6/2015 | Xem xét việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng tín dụng cũng như thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy |
| 17 | NQ-HĐQT | 30/6/2015 | Xem xét việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng tín dụng cũng như thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành |
| 18 | NQ-HĐQT | 15/7/2015 | Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG làm công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần VIMECO. |
| 19 | Số 07.1/2015/NQ-HĐQT | 17/7/2015 | Phê duyệt phương án kinh tế của gói thầu "XL-05 Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội-Bắc Giang" theo hình thức BOT. |

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016 - CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

| | | | |
|----|----------------------|------------|---|
| 20 | Số 07.2/2015/NQ-HĐQT | 28/7/2015 | Phê duyệt phương án kinh tế của Công trình: " Thi công cọc khoan nhồi thí nghiệm; cọc khoan nhồi đại trà; Tường vây và công tác ép cừ Larsen; cung cấp và lắp đặt cọc Kingpost trong BPTC; thi công hàng rào bảo vệ (phần xây dựng) và một số hạng mục công trình tạm thuộc hạng mục phần ngầm Dự án: Đầu tư xây dựng lại khu tập thể cũ số 97-99 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. |
| 21 | NQ-HĐQT | 04/8/2015 | Thông nhất vay vốn và ủy quyền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành. |
| 22 | Số 08/2015/NQ-HĐQT | 04/8/2015 | Phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án CT4. |
| 23 | Số 09/2015/NQ-HĐQT | 04/8/2015 | Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015. Phê duyệt phương án kinh tế dự án CT4. Bổ nhiệm phó Tổng phụ trách VLXD. |
| 24 | NQ-HĐQT | 31/8/2015 | Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt chủ trương thanh lý thiết bị trạm trộn BT IML. |
| 25 | Số 09.1/2015/NQ-HĐQT | 21/9/2015 | Phê duyệt phương án kinh tế của Công trình: "Cọc khoan nhồi thí nghiệm và cọc khoan nhồi đại trà gói thầu: Thi công xây dựng tòa nhà chung cư 2B-Vinata Tower. |
| 26 | Số 10/2015/NQ-HĐQT | 09/10/2015 | Thông qua việc Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách VLXD đối với ông Nguyễn Đức Tú-cử nhân kinh tế do Công ty TNHH An Quý Hưng (cổ đông lớn) giới thiệu. |
| 27 | Số 11/2015/NQ-HĐQT | 13/10/2015 | Hội đồng quản trị đã xem xét bàn bạc và nhất trí phê duyệt nhà thầu trúng thầu, gói thầu số 05 "Giám sát thi công xây dựng phần thô, hoàn thiện và lắp đặt thiết bị công trình" thuộc Dự án CT4, đồng ý mời thương thảo đàm phán hợp đồng đối với Công ty cổ phần Texo tư vấn và đầu tư, với giá trị trúng thầu là 3.316.575.600 đồng. |
| 28 | NQ-HĐQT | 26/10/2015 | Xem xét việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng tín dụng cũng như thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Hà Tây |
| 29 | NQ-HĐQT | 30/10/2015 | Thông nhất vay vốn và ủy quyền tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM chi nhánh Hoàn Kiếm (HDBank). |

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016 - CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

| | | | |
|----|--------------------|------------|--|
| 30 | Số 12/2015/NQ-HĐQT | 02/11/2015 | Hội đồng quản trị đã xem xét bàn bạc và nhất trí phê duyệt nhà thầu trúng thầu, gói thầu số 14 "Thi công xây dựng kết cấu thô phần thân" thuộc dự án CT4, đồng ý mời thương thảo đàm phán hợp đồng đối với Công ty cổ phần Xây dựng số 9 với giá trị trúng thầu là: 239.270.015.663 đồng. |
| 31 | Số 13/2015/NQ-HĐQT | 25/11/2015 | Phê duyệt chủ trương "Đầu tư xây dựng dây chuyền khai thác chế biến đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. |
| 32 | Số 14/2015/NQ-HĐQT | 25/11/2015 | Thông qua tờ trình của Tổng giám đốc về việc: Triển khai SX&KD bê tông thương phẩm tại Phú Quốc-Kiên Giang. |
| 33 | Số 15/2015/NQ-HĐQT | 04/12/2015 | Thông qua tờ trình của Tổng giám đốc về việc : "Điều chỉnh giá bán Văn phòng tại Dự án CT4". |
| 34 | Số 16/2015/NQ-HĐQT | 08/12/2015 | Thông qua các chỉ tiêu của Báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016. Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ năm 2016. |
| 35 | Số 17/2015/NQ-HĐQT | 17/12/2015 | Thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền 10%. Thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2016 dự kiến vào ngày 28/3/2016. |
| 36 | Số 18/2015/NQ-HĐQT | 30/12/2015 | Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh một số gói thầu thuộc kế hoạch đấu thầu dự án CT4. |



VIMECO

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP SXKD NĂM 2015
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016**

Phụ lục 4

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đ/v tính | Kế hoạch năm 2015 (theo NQ ĐHCĐ) | Thực hiện năm 2015 | % so với KH 2015 | Kế hoạch năm 2016 | % tăng trưởng |
|-------------|---|----------|----------------------------------|--------------------|------------------|-------------------|---------------|
| A | I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| I | GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH | Tr. Đồng | 1.169.700 | 1.332.880 | 113,95 | 1.408.000 | 105,64 |
| 1 | Xây lắp | Tr. Đồng | 525.700 | 601.880 | 114,49 | 550.000 | 91,38 |
| 2 | Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng | Tr. Đồng | 428.000 | 543.880 | 127,07 | 526.000 | 96,71 |
| 3 | Kinh doanh bất động sản và hạ tầng | Tr. Đồng | 180.000 | 151.340 | 84,08 | 300.000 | 198,23 |
| 4 | Sản xuất, kinh doanh khác | Tr. Đồng | 36.000 | 35.780 | 99,39 | 32.000 | 89,44 |
| II | TỔNG DOANH THU | Tr. Đồng | 900.000 | 1.041.390 | 115,71 | 1.050.000 | 100,83 |
| 1 | Xây lắp | Tr. Đồng | 485.000 | 510.050 | 105,16 | 504.000 | 98,81 |
| 2 | Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng | Tr. Đồng | 385.000 | 497.070 | 129,11 | 514.000 | 103,41 |
| 3 | Kinh doanh bất động sản và hạ tầng | Tr. Đồng | - | - | - | - | - |
| 4 | Sản xuất, kinh doanh khác | Tr. Đồng | 30.000 | 34.270 | 114,23 | 32.000 | 93,38 |
| III | LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | Tr. Đồng | 28.000 | 31.700 | 113,21 | 32.000 | 100,95 |
| 1 | Xây lắp | Tr. Đồng | 14.200 | 15.400 | 108,45 | 15.200 | 98,70 |
| 2 | Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng | Tr. Đồng | 7.500 | 10.700 | 142,67 | 11.800 | 110,28 |
| 3 | Kinh doanh bất động sản và hạ tầng | Tr. Đồng | - | - | - | - | - |
| 4 | Sản xuất, kinh doanh khác | Tr. Đồng | 6.300 | 5.600 | 88,89 | 5.000 | 89,29 |
| IV | LỢI NHUẬN SAU THUẾ | Tr. Đồng | 21.840 | 23.602 | 108,07 | 25.600 | 108,47 |
| V | TỶ LỆ CỔ TỨC | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ cổ tức từ phân phối lợi nhuận năm báo cáo | % | 15 | 15 | 100,00 | 15 | 100,00 |
| 2 | Tỷ lệ cổ tức thực hiện trả trong năm báo cáo | % | 15 | 25 | 166,67 | 5 | 20,00 |
| | Chia ra: - Trả của năm trước | % | 15 | 15 | 100,00 | 5 | 33,33 |
| | - Ứng của năm báo cáo | % | - | 10 | - | - | - |
| VI | VỐN CHỦ SỞ HỮU (mã số 410 trên BCTC) | Tr. Đồng | 215.043 | 216.805 | 100,82 | 218.803 | 100,92 |
| | Trong đó: - Vốn điều lệ (mã số 411 trên BCTC) | Tr. Đồng | 100.000 | 100.000 | 100,00 | 100.000 | 100,00 |
| | - Giá trị vốn góp của Tổng công ty (mệnh Giá) | Tr. Đồng | 51.409 | 51.409 | 100,00 | 51.409 | 100,00 |
| | - Tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty | % | 51,409 | 51,409 | 100,00 | 51,409 | 100,00 |
| VII | KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH | Tr. Đồng | 34.000 | 27.806 | 81,78 | 34.000 | 122,28 |
| VIII | NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | Tr. Đồng | | | | | |
| 1 | Số phải nộp | Tr. Đồng | 40.000 | 36.135 | 90,34 | 35.000 | 96,86 |
| | Chia ra: - Năm trước chuyển sang | Tr. Đồng | | 3.635 | | - | - |
| | - Năm nay | Tr. Đồng | | 32.500 | | 35.000 | 107,69 |

| | | | | | | | |
|-----------|--|-----------------|----------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| 2 | Số đã nộp | Tr. Đồng | 40.000 | 30.767 | 76,92 | 35.000 | 113,76 |
| | Chia ra: - Năm trước chuyển sang | Tr. Đồng | | 3.635 | | - | - |
| | - Năm nay | Tr. Đồng | | 27.132 | | 35.000 | 129,00 |
| IX | ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN | Tr. Đồng | 279.900 | 240.812 | 86,04 | 418.411 | 173,75 |
| 1 | Đầu tư thiết bị | Tr. Đồng | 79.900 | 60.812 | 76,11 | 118.411 | 194,72 |
| 2 | Kinh doanh bất động sản | Tr. Đồng | 200.000 | 180.000 | 90,00 | 300.000 | 166,67 |
| X | LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG | Tr. Đồng | | | | | |
| 1 | Lao động sử dụng bình quân (cả thuê ngoài) | Người | 1.100 | 1.150 | 104,55 | 1100 | 95,65 |
| 2 | Lao động sử dụng bình quân (riêng Công ty) | Người | 750 | 750 | 100,00 | 800 | 106,67 |
| 3 | Thu nhập bình quân người/tháng | 1000 đ | 6,5 | 7,5 | 115,38 | 8,5 | 113,33 |
| XI | THÙ LAO HĐQT, BKS | Tr. Đồng | 372,0 | 372,0 | 100,00 | 372,0 | 100,00 |
| 1 | Trong đó: - Phải trả Tổng công ty | Tr. Đồng | 276 | 276 | 100,00 | 276 | 100,00 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
GIÁ TRỊ DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2015

VIMECO

Phụ lục số: 5

| TT | Công trình | Kế hoạch Doanh thu năm 2015 | Doanh thu năm 2015 | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------------------|--------------------------|---------|
| 1 | 2 | | 4 | 5 |
| A | Dự án xây lắp | 485.000.000.000 | 510.049.106.994 | |
| I | Các công trình chuyển tiếp | 403.300.000.000 | 373.270.469.865 | |
| 1 | BOT Bắc Giang | 54.000.000.000 | 30.642.970.473 | |
| 2 | Đà Nẵng Quảng Ngãi - Gói 6 | 116.000.000.000 | 52.565.328.927 | |
| 3 | Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 144.000.000.000 | 49.199.174.958 | |
| 4 | GP Complex (số 1 Phùng Chí Kiên) | 16.000.000.000 | 21.424.298.644 | |
| 5 | Bể nước-Nhạc nước TTHNQG | 12.500.000.000 | 13.119.437.494 | |
| 6 | Lát đá Trung tâm HNQG | | 17.048.369.999 | |
| 7 | 15 Thành công | | 7.208.039.660 | |
| 8 | Sam sung Bắc Ninh | 6.800.000.000 | 8.106.000.000 | |
| 9 | Hạ tầng Samsung Thái Nguyên | 48.000.000.000 | 96.211.290.000 | |
| 10 | Khoan cọc nhồi Samsung Thái Nguyên | 6.000.000.000 | 23.808.960.000 | |
| 11 | Thủy điện Ngòi Phát | | 31.502.573.660 | |
| 12 | Minh Giang Đầm Và | | -223.419.419 | |
| 13 | 609 Trương Định | | 8.141.966.037 | |
| 14 | Cầu Giẽ- Ninh Bình | | 10.628.150.085 | |
| 15 | Trụ sở Học viện Quốc Phòng | | 213.286.364 | |
| 16 | Nhà ga Số 3 Nhôn- ga Hà Nội | | 3.674.042.983 | |
| II | Các công trình ký hợp đồng và triển khai thi công trong năm 2015 | 81.700.000.000 | 136.778.637.129 | |
| 17 | Star AD1 cọc Thí nghiệm+ đại trà | | 32.365.726.364 | |
| 18 | AD1 đài móng | | 32.463.761.818 | |
| 19 | ADG Garden (Móng và tầng hầm) | | | |
| 20 | Nhà máy kính 3D C&T Samsung Thái Nguyên | 18.000.000.000 | 37.170.000.000 | |
| 21 | CKN thí nghiệm Tòa nhà Đại Việt | | | |
| 23 | VINATA cọc TN | | 1.066.484.545 | |
| 24 | VINATA 2B Tổng công ty | 24.000.000.000 | 18.800.838.947 | |
| 25 | VINATA 2A Liên doanh Taisei | | 14.220.916.364 | |
| 26 | 109 Nguyễn Tuấn | | 690.909.091 | |
| 27 | 97-99 Láng Hạ | 30.700.000.000 | | |
| 28 | Cao tốc Long Thành - Dầu Giây | 9.000.000.000 | | |
| B | Sản xuất Vật liệu xây dựng: | 385.000.000.000 | 497.075.317.678 | |
| 1 | Sản xuất Bê tông | 347.000.000.000 | 458.810.593.144 | |
| 2 | Đá xây dựng | 38.000.000.000 | 38.264.724.534 | |
| C | Kinh doanh bất động sản và hạ tầng | | - | |
| D | Kinh doanh khác: | 30.000.000.000 | 34.265.324.071 | |
| | Tổng cộng A+B+C+D | 900.000.000.000 | 1.041.389.748.743 | |



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
CÁC HỢP ĐỒNG DO CÔNG TY KÝ NĂM 2015

VIMECO

Phụ lục số: 6

| TT | Công trình | Chủ Đầu Tư | Giá trị Hợp đồng | Ghi chú |
|----|--|--|------------------|------------------------|
| 1 | Thi công cọc khoan nhồi đại trà Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại và nhà ở Star AD1 | Công ty CP Sao Ánh Dương | 38.171.501.000 | Tự tìm kiếm |
| 2 | Thi công đài móng tầng hầm Dự án Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại và nhà ở Star AD1, tại số: Ô đất C2/ CN3 Mai Động – Hoàng Mai – Hà Nội. Phụ lục bổ sung và thay đổi đầu việc do thay đổi bản vẽ và BPTC | Công ty CP Sao Ánh Dương | 58.975.981.000 | Tự tìm kiếm |
| 3 | Thi công phần móng và hai tầng hầm Dự án Tổ hợp thương mại và dịch vụ, văn phòng cho thuê và nhà ở chung cư ADG GARDEN | Công ty cổ phần XD Sunshine VN | 133.149.951.000 | Tự tìm kiếm |
| 4 | Hợp đồng thầu phụ thi công phần hạ tầng Dự án XD Nhà máy Tổ hợp Metal/3D Glass Building SEVT Yên Bình Việt Nam | Công ty SAMSUNG C&T CORPORATION Hàn Quốc | 46.200.000.000 | Tự tìm kiếm |
| 5 | Thi công xây dựng: Thi công cọc khoan nhồi thí nghiệm Dự án Tòa nhà hỗn hợp dịch vụ TM Văn phòng, trường mầm non và nhà ở | Công ty CP Đại Việt Trí Tuệ | 760.000.000 | Tự tìm kiếm |
| 6 | Hợp đồng thầu phụ thi công hạ tầng SEVT cho nhà máy Metal | Công ty TNHH CHEIL INDUSTRIES INC VIỆT NAM | 29.064.000.000 | Tự tìm kiếm |
| 7 | Hợp đồng thi công XD công trình hạng mục: Cung cấp và thi công cọc khoan nhồi, ĐK 800-1500, chiều dài L=43,3m (bao gồm: thi công cọc thử, thí nghiệm cọc thử, thí nghiệm cọc thử và thi công đại trà) | Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX-Taisei | 15.866.939.000 | Tự tìm kiếm |
| 8 | Hợp đồng thầu phụ : thi công CKN, tường vây, ép cừ Larsen, cọc kingpost trong BPTC, hàng rào bảo vệ và một số hạng mục công trình tạm phục vụ thi công Gói thầu XD phần ngầm Dự án đầu tư XD lại khu tập thể cũ số 97-99 Láng Hạ | Tổng công ty CP XNK và XD Việt Nam | 55.865.374.764 | Tổng công ty VINACONEX |

| TT | Công trình | Chủ Đầu Tư | Giá trị Hợp đồng | Ghi chú |
|----|--|---|------------------------|------------------------|
| 9 | Hợp đồng thầu phụ : thi công CKN thí nghiệm và CKN đại trà Gói thầu thi công XD tòa nhà chung cư 2B - VINATA TOWER | Tổng công ty CP XNK và XD Việt Nam | 20.605.679.000 | Tổng công ty VINACONEX |
| 10 | Hợp đồng thi công XD công trình số 300/2015/HĐKT-BOT-HNBNBG Gói thầu XL11 Hạng mục an toàn giao thông Km 142+640-Km148+485 Dự án BOT Bắc giang | Tổng công ty CP XNK và XD VN và Liên danh Cty VIMECO và Cty CP Việt Vương | 5.159.196.210 | Tổng công ty VINACONEX |
| 11 | Hợp đồng thi công XD công trình số 299/2015/HĐKT-BOT-HNBNBG Gói thầu XL05 Hạng mục an toàn giao thông Km 121+630-Km124+815 Dự án BOT Bắc giang | Tổng công ty CP XNK và XD VN và Liên danh Cty VIMECO và Cty CP Việt Vương | 7.302.687.960 | Tổng công ty VINACONEX |
| 12 | Hợp đồng thi công xây dựng hạ tầng gói thầu CVL thuộc Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn. Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 12/5/2015 thi công công tác XD hạ tầng (5 hạng mục) | Tổng công ty CP XNK và XD VN | 3.599.698.414 | Tổng công ty VINACONEX |
| 13 | Hợp đồng thi công xây dựng hạ tầng gói thầu CVL thuộc Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, Phụ lục hợp đồng số 05 ngày 06/11/2015 phát sinh cho hạng mục Unit 200 Polypropylene Container Storage Paving | Tổng công ty CP XNK và XD VN | 59.023.605.972 | Tổng công ty VINACONEX |
| | Tổng cộng | | 473.744.614.321 | |



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU NĂM 2016

VIMECO

Phụ lục số: 7

| TT | Các sản phẩm chủ yếu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2015 | | | Kế hoạch năm 2016 | | | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| | | | Khối lượng | Đơn giá bình quân | Thành tiền (đồng) | Khối lượng | Đơn giá bình quân | Thành tiền (đồng) | |
| I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 | 7 | 8 | 9=7x8 | 10 |
| I | Bê tông các loại | m3 | 459.720 | | 567.754.855.200 | 485.000 | | 540.320.000.000 | |
| I | Cấp nội bộ | m3 | 62.904 | 1.040.400 | 65.445.321.600 | 45.000 | 1.056.000 | 47.520.000.000 | Tính vào xây lắp |
| 2 | Cấp ngoài | m3 | 396.816 | 1.265.850 | 502.309.533.600 | 440.000 | 1.120.000 | 492.800.000.000 | |
| II | Đá các loại | m3 | 382.322 | | 60.020.249.800 | 302.000 | | 46.670.000.000 | |
| I | Cấp nội bộ | m3 | 80.820 | 228.200 | 18.443.124.000 | 72.000,00 | 185.000 | 13.320.000.000 | Tính vào bê tông |
| 2 | Cấp ngoài | m3 | 301.502 | 137.900 | 41.577.125.800 | 230.000 | 145.000 | 33.350.000.000 | |

**THÔNG TIN MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2015
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016**

Phụ lục: 8

| Các chỉ tiêu chủ yếu | Đ/v tính | 2015 | 2016 | Ghi chú |
|---------------------------------------|-----------------|---------------|---------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I- HÀNG TỒN KHO | Tỷ. Đồng | 479,34 | 720,00 | |
| 1. Giá trị hàng tồn kho Xây lắp | Tỷ. Đồng | 150,48 | 115,00 | |
| 2. Giá trị hàng tồn kho bất động sản | Tỷ. Đồng | 285,24 | 585,00 | |
| 3. Giá trị hàng tồn kho SXCN, VLXD | Tỷ. Đồng | 43,62 | 20,00 | |
| 4. Giá trị hàng tồn kho khác | Tỷ. Đồng | | | |
| II- DƯ NỢ VAY | Tỷ. Đồng | 359,09 | 300,00 | |
| 1. Vay ngân hàng và TCTD: - Ngắn hạn | Tỷ. Đồng | 292,50 | 240,00 | |
| - Dài hạn | Tỷ. Đồng | 66,60 | 60,00 | |
| III- TỔNG NỢ PHẢI THU PHẢI TRẢ | Tỷ. Đồng | | | |
| 1. Phải thu Khách hàng | Tỷ. Đồng | 365,92 | 300,00 | |
| 2. Trả trước cho người bán | Tỷ. Đồng | 67,17 | 120,00 | |
| 3. Phải trả Khách hàng | Tỷ. Đồng | 315,32 | 270,00 | |
| 4. Người mua ứng trước | Tỷ. Đồng | 286,77 | 950,00 | |
| 5. Phải trả người lao động | Tỷ. Đồng | 21,69 | 18,00 | |



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
TỔNG GIÁ TRỊ SXKD DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 2016

VIMECO

Phụ lục: 9

| TT | Công trình | Dự kiến kế hoạch sản lượng năm 2016 | Dự kiến kế hoạch doanh thu năm 2016 | Ghi chú |
|-----------|---|--|--|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A | Dự án xây lắp | 550.000.000.000 | 504.000.000.000 | |
| I | Các công trình đã thi công | - | 62.000.000.000 | |
| | AD1 Cọc thí nghiệm + Đại trà | | 1.000.000.000 | |
| | AD1 Đài móng | | 6.000.000.000 | |
| | Bảo tàng Hà Nội | | 6.000.000.000 | |
| | BOT Bắc Giang | | 40.000.000.000 | |
| | 3D C&T Sam sung Thái Nguyên | | 3.000.000.000 | |
| | Thủy điện Ngòi Phát | | 6.000.000.000 | |
| II | Các công trình chuyển tiếp | 400.000.000.000 | 337.000.000.000 | |
| | Đà Nẵng Quảng Ngãi | 132.000.000.000 | 110.000.000.000 | |
| | Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 88.000.000.000 | 70.000.000.000 | |
| | ADG Garden (Móng và tầng hầm) | 125.000.000.000 | 105.000.000.000 | |
| | 97-99 Láng Hạ | 55.000.000.000 | 52.000.000.000 | |
| II | Các công trình dự kiến triển khai năm 2016 | 150.000.000.000 | 105.000.000.000 | |
| | Khu công nghệ cao Hòa Lạc | 75.000.000.000 | 60.000.000.000 | |
| | ADG Garden (Hạ tầng) | 30.000.000.000 | 10.000.000.000 | |
| | Cọc nhồi, tầng hầm dự án Đào Duy Anh | 45.000.000.000 | 35.000.000.000 | |
| B | Sản xuất Vật liệu xây dựng: | 526.000.000.000 | 514.000.000.000 | |
| 1 | Sản xuất Bê tông | 493.000.000.000 | 483.000.000.000 | |
| 2 | Đá xây dựng | 33.000.000.000 | 31.000.000.000 | |
| C | Kinh doanh bất động sản và hạ tầng | 300.000.000.000 | - | |
| D | Kinh doanh khác: | 32.000.000.000 | 32.000.000.000 | |
| | Tổng cộng A+B+C+D | 1.408.000.000.000 | 1.050.000.000.000 | |



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
DANH MỤC ĐẦU TƯ, THANH LÝ XE MÁY THIẾT BỊ NĂM 2016

VIMECO

I THANH LÝ XMTB

Phụ lục: 10

| TT | Tên thiết bị | Đ/v tính | Số lượng | Tổng giá trị thanh lý dự kiến (vnđ) | Ghi chú |
|----|--|----------|----------|-------------------------------------|---------|
| 1 | Máy đào Kato HD1880 | chiếc | 1 | 200.000.000 | |
| 2 | Máy đào Hitachi EX400 | chiếc | 1 | 300.000.000 | |
| 3 | Máy đào Kobelco SK300 | chiếc | 1 | 250.000.000 | |
| 4 | Máy đào Kobelco SK400 | chiếc | 1 | 300.000.000 | |
| 5 | Máy đào Kobelco SK450 | chiếc | 1 | 350.000.000 | |
| 6 | Máy rải Dynapac | chiếc | 1 | 90.000.000 | |
| 7 | Xe VCBT HINO, FUSO, NISSAN | chiếc | 10 | 1.000.000.000 | |
| 8 | Xe ô tô Ford Escape BKS 29T-1719, Mitsubishi Pajero BKS 29S-9776, Mercedes 16 chỗ BKS 29U-6779 | chiếc | 3 | 300.000.000 | |
| 9 | Xe UAZ thùng 29Y-1297 | chiếc | 1 | 20.000.000 | |
| 10 | Xe UAZ 29U-4566 | chiếc | 1 | 20.000.000 | |
| 11 | Trạm trộn KYC 55m ³ /h | Trạm | 1 | 500.000.000 | |
| 12 | Rơ mooc fooc 29R-0118 | chiếc | 1 | 50.000.000 | |
| 13 | Rơ mooc somy 29R-0310 | chiếc | 1 | 50.000.000 | |
| 14 | Máy khoan Rock D3 | chiếc | 1 | 700.000.000 | |
| 15 | Máy khoan Rock D7 | chiếc | 1 | 800.000.000 | |
| | Tổng cộng | | | <u>4.930.000.000</u> | |

II ĐẦU TƯ XE MÁY THIẾT BỊ

| TT | Tên thiết bị | Đ/v tính | Số lượng | Nguyên giá đầu tư dự kiến (vnđ) | Ghi chú |
|----|---|----------|----------|---------------------------------|--|
| 2 | Máy đào bánh lốp với dung tích gầu 0,4 - 0,85 m ³ /gầu | Chiếc | 2 | 5.800.000.000 | Mới 100% |
| 2 | Máy san chiều dài lu-đi san 123-180Hp | Chiếc | 1 | 3.000.000.000 | Đã qua sử dụng. |
| 3 | Ô tô du lịch 07 chỗ+16 chỗ | Chiếc | 2 | 2.300.000.000 | Mới 100% |
| 4 | Máy lu tĩnh trọng lượng 10-15 tấn | Chiếc | 1 | 1.600.000.000 | Mới 100% |
| 5 | Xe bán tải, tải trọng 750kg (dùng để chở mẫu bê tông) | chiếc | 1 | 500.000.000 | Mới 100% |
| 6 | Máy khoan cọc nhồi | Chiếc | 1 | 20.000.000.000 | Mới 100% hoặc đã qua sử dụng |
| 7 | Máy xúc lật với dung tích gầu 3,2 - 4,0 m ³ /gầu | Chiếc | 2 | 9.500.000.000 | Mới 100% hoặc đã qua sử dụng |
| 8 | Máy đào bánh xích với dung tích gầu 0,8 - 1,6 m ³ /gầu | Chiếc | 4 | 20.000.000.000 | Mới 100% hoặc đã qua sử dụng, trong đó có 01 máy đào cho mỏ đá Phú Mãn |
| 9 | Máy phát điện 500KVA | Chiếc | 1 | 2.500.000.000 | Mới 100% |
| 10 | Rơ mooc fooc | Chiếc | 1 | 650.000.000 | Mới 100% |
| 11 | Rơ mooc somy | Chiếc | 1 | 400.000.000 | Mới 100% |
| 12 | Xe bơm bê tông | Chiếc | 1 | 11.000.000.000 | Mới 100% |
| 13 | Xe vận chuyển bê tông | Chiếc | 10 | 21.500.000.000 | Mới 100% |
| 14 | Trạm trộn bê tông 210 m ³ /h (875.800 USD) | trạm | 1 | 19.661.710.000 | Tháng 1/2016 |
| | Tổng | | | <u>118.411.710.000</u> | |

Tóm tắt lý lịch trích ngang của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Phụ lục số 11

| STT | Họ và tên | Năm sinh | | Hộ khẩu thường trú | Trình độ | Chức vụ | Tổng số CP | | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|------------|--|---|---------------------------------------|----------------------------|----------------|-----------------|------------------|
| | | Nam/Nữ | | | | | Cá nhân sở hữu | Đại diện sở hữu | |
| 1 | Vũ Quý Hà | 27/04/1958 | | Số 24 Lê Ngọc Hân, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội | Thạc sỹ QTKD | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 30.000 | 3.400.000 | 34,30 |
| 2 | Trần Việt Thắng | 28/09/1958 | | B13 lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | Kỹ sư thủy lợi | UV HĐQT | 122.360 | 900.000 | 10,22 |
| 3 | Trần Tuấn Anh | 17/05/1973 | | 37, ngõ 629, ngách 12, Kim Mã, Hà Nội | Thạc sỹ Máy xây dựng | UV HĐQT Tổng Giám đốc | 57.507 | 500.000 | 5,58 |
| 4 | Nguyễn Quốc Hòa | 17/02/1972 | | Số 72, tổ 18, phường Thanh lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ QTKD | UV HĐQT | 30.000 | 340.900 | 3,71 |
| 5 | Nguyễn Xuân Đông | 29/12/1966 | | BT6 A36 Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội | Trung cấp kế toán | UV HĐQT | 30.000 | 3.096.892 | 31,27 |
| 6 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | 21/02/1979 | | Phòng 602, Nhà 17T8, Khu đô thị mới Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội | Thạc sỹ ngành Kế toán doanh nghiệp | Trưởng Ban kiểm soát | 15.000 | | 0,15 |
| 7 | Nguyễn Văn Hà | 12/10/1974 | | 32 Ngõ Văn Minh, tổ 25, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội | Cử nhân kinh tế- chuyên ngành kế toán | Thành viên BKS | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Huệ | 16/9/1965 | | Phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội | Cử nhân kinh tế | Thành viên BKS | 17.100 | | 0,17 |

Tóm tắt lý lịch trích ngang của Ban điều hành Công ty

Phụ lục số 12

| STT | Họ và tên | Năm sinh | | Hộ khẩu thường trú | Trình độ | Chức vụ | Tổng Số CP sở hữu +đại diện sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|------------|-----|---|------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------|
| | | | Nam | | | | | |
| 1 | Trần Tuấn Anh | 17/05/1973 | | 37, ngõ 629,ngách 12, Kim Mã, Hà Nội | Thạc sỹ Máy xây dựng | UV HĐQT Tổng Giám đốc | 557.507 | 5,58 |
| 2 | Vương Xuân Bền | 12/10/1959 | | Mai Châu, Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội | Cử nhân kinh tế- KT | Phó Tổng giám đốc | 59.830 | 0,60 |
| 3 | Nguyễn Sỹ Thiêm | 15/12/5970 | | Số 5/18/2 Ngõ 123 Đội Cán, Cống Vi, Ba Đình, Hà Nội | Kỹ sư XD cầu đường | Phó Tổng giám đốc | 27.457 | 0,27 |
| 4 | Hồ Công Tâm | 09/11/1958 | | Số 15, Ngõ 98, Phố Thái Hà, Hà Nội | Kỹ sư Máy xây dựng | Phó Tổng giám đốc | 60.369 | 0,60 |
| 5 | Nguyễn Học Trình | 02/4/1972 | | Phòng 208 D7 Quỳnh Mai, Hà Nội | Kỹ sư cầu hầm | Phó Tổng giám đốc | 34.655 | 0,35 |
| 6 | Nguyễn Đức Tú | 09/8/1970 | | 57B Ngõ Quyền, TX. Sơn Tây, Hà Nội | Cử nhân kinh tế | Phó Tổng giám đốc | | |
| 7 | Phạm Văn Vũ | 14/5/1977 | | Chung cư vimeco, Lô E9, Phạm hùng Trung hòa, Cầu giấy, Hà nội | Cử nhân kinh tế | Kế toán trưởng | 25.457 | 0,25 |

